

**Mẫu CBTT/SGDCKHN-08**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 250/QĐ-SGDHN ngày 06/06/2013 của Tổng Giám đốc SGDCKHN về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCKHN)

TCTY CN XI MĂNG VIỆT NAM  
C.TY CP XM VICEM HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **081203**/XMHM-TCKT

Hoàng Mai, ngày **12** tháng **8** năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi:**

- Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
- Mã chứng khoán: HOM
  - Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
  - Điện thoại: 0383 866 170
  - Fax: 0383 866 648
  - Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đậu Thị Nga

2. Nội dung thông tin công bố:

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế giữa Báo cáo tài chính Công ty tự lập và Báo cáo tài chính sau kiểm toán.

2.1. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 theo BCTC Công ty tự lập (BCTC trước kiểm toán) lãi 27.372.837.165 đồng. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 theo BCTC đã được kiểm toán lãi 27.004.842.176 đồng.

2.2. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 theo BCTC trước kiểm toán và lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 được kiểm toán là (367.994.989) đồng, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Giá vốn hàng bán tăng do đưa toàn bộ chi phí tấm lót sử dụng cho Clinker vào trong kỳ.

- Chi phí quản lý tăng do ghi tăng chi phí phải trả cho bảo vệ thuê ngoài và tiền lương Ban kiểm soát Quý 2/2016.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/08/2016 tại đường dẫn [ximanghoangmai.vn](http://ximanghoangmai.vn) của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

(\*) Tài liệu đính kèm:

Biểu 01: Báo cáo KQKD 6 tháng đầu năm 2016 trước & sau kiểm toán.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG CHỨC KẾ TOÁN**



**Đậu Thị Nga**



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016

(Kèm theo và hình số 081203 /XMHM-TCKT ngày 12 tháng 8 năm 2016)

### Biểu 01

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	875.495.214.715	877.847.881.078	2.352.666.363
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10= 01-02)	10	875.495.214.715	877.847.881.078	2.352.666.363
4. Giá vốn hàng bán	11	742.170.293.989	743.535.830.946	1.365.536.957
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10 - 11)	20	133.324.920.726	134.312.050.132	987.129.406
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.323.080.550	1.323.080.550	-
7. Chi phí tài chính	22	14.033.647.435	14.033.647.435	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	14.005.322.609	14.005.322.609	-
8. Chi phí bán hàng	25	44.177.744.056	44.177.744.056	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	46.492.799.411	46.651.935.775	159.136.364
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	29.943.810.374	30.771.803.416	827.993.042
11. Thu nhập khác	31	2.806.158.427	453.492.064	(2.352.666.363)
12. Chi phí khác	32	1.136.158.573	20.368.573	(1.115.790.000)
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	1.669.999.854	433.123.491	(1.236.876.363)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	31.613.810.228	31.204.926.907	(408.883.321)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.203.755.491	2.162.867.159	(40.888.332)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	2.037.217.572	2.037.217.572	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	27.372.837.165	27.004.842.176	(367.994.989)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	395	390	(5)

